

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Hồ Viết Ân

bà Phạm Ngọc Nhung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đường Cẩm C, sinh năm: 1976; nghề nghiệp: làm rẫy; hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 10, ấp PV, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
(Có mặt)

- Bị đơn: anh Vòng Saau T, sinh năm: 1973; nghề nghiệp: nhân viên; hộ khẩu thường trú và cư trú: số 293, tổ 9, ấp T, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đường Cẩm C trình bày: chị và anh Vòng Saau T tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian từ 3 năm đến 4 năm thì tổ chức đám cưới và bắt đầu sống chung từ cuối năm 2003. Sau khi cưới vợ chồng sống và làm rẫy phụ giúp cha mẹ chồng, không được độc lập kinh tế; chị đã góp ý với anh T xin cha mẹ cho ở riêng nhưng anh T nghe lời cha mẹ không chấp thuận và còn khiến cho chị và cha mẹ chồng nảy sinh mâu thuẫn; dẫn đến từ giữa đầu năm 2004 đến năm 2008 chị bỏ đi làm ăn. Đến cuối năm 2008 vợ chồng quay về

chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, sau khi về chung sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, nhiều lúc khó khăn, thiếu thốn tới mức không đủ đảm bảo việc ăn uống cho các con, chị phải dẫn các cháu về cha mẹ của chị nhờ cư mang; bản thân anh T lại là người không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con, còn ham mê bài bạc; chị đã nói với anh T nhiều lần để khắc phục nhưng anh T vẫn không thay đổi; mặt khác, trong thời gian sống ở nhà chồng, mối quan hệ giữa chị với mẹ chồng không được tốt, bà nhiều lần gây khó khăn cho chị; nhận thấy cuộc sống chung mệt mỏi nên sau khi sinh cháu thứ 2 được khoảng 13 tháng chị đã dẫn các con về nhà cha mẹ để ở cho đến nay. Chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Vòng Saau T. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là các cháu Võng Mỹ L, sinh ngày 24/9/2009 và Vòng Mỹ K, sinh ngày 21/5/2011; từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu sống cùng với chị nên chị yêu cầu tiếp tục được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2018, bị đơn là anh Vòng Saau T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về quá trình tiến tới hôn nhân, diễn biến hôn nhân, về con chung, về không có tài sản chung và nợ chung. Hai người sống chung từ tháng 11/2003 và chung sống được khoảng 4 tháng thì chị C bỏ đi làm công ty 05 năm; năm 2008 chị C quay về và hai người mới tiến hành đăng ký kết hôn, chung sống và sinh được 02 người con gái; vợ chồng sống chung được 4 năm thì ly thân. Anh cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn nhiều, chủ yếu là do mâu thuẫn giữa chị C và mẹ chồng; cụ thể mâu thuẫn thế nào thì anh không rõ, chỉ nghe mẹ anh kể lại là mẹ anh có ý vay tiền chị C để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do thời điểm đó vợ chồng sống vẫn sống chung với cha mẹ anh nhưng chị C không đồng ý nên giữa hai bên xảy ra cự cãi, từ đó mối quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu không được tốt đẹp; do một bên là mẹ, một bên là vợ nên anh không thể can thiệp mà để cho hai người tự giải quyết. Đến tháng 7/2012 chị C không bàn bạc gì với anh mà tự ý dẫn theo hai con về ngoại ở, chỉ để lại từ giấy ghi dòng chữ “đi làm ăn”. Anh có qua nhà ngoại tìm vợ con một lần nhưng gia đình vợ ngăn cấm và hành hung nên từ đó anh không qua thăm vợ, con nữa. Anh cũng không gửi trợ cấp gì cho con do chị C nói không cần. Nay anh không còn yêu thương chị C nữa nhưng vì thương hai con nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau: Về con: yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018, cháu Vòng Mỹ L trình bày: cháu có ba tên Vòng Saau T và mẹ là Đường Cẩm C. Lúc còn nhỏ cháu có sống cùng ba nhưng từ lâu rồi cháu không gặp ba nên không nhớ mặt ba nữa. Hiện cháu đang sống cùng mẹ và em gái ở nhà ông bà ngoại. Nếu ba mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018, cháu Vòng Mỹ K trình bày: cháu có ba tên Vòng Saau T và mẹ là Đường Cẩm C. Từ nhỏ đến nay cháu chưa từng gặp mặt ba, tên ba là do mẹ nói nên cháu mới biết. Hiện cháu đang sống cùng mẹ và chị gái ở nhà ông bà ngoại. Nếu ba mẹ ly hôn thì cháu muốn tiếp tục ở với mẹ.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Về thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật HN&GD và pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết yêu cầu khởi kiện. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị C ly hôn anh T; về con chung: đề nghị giao cả 02 con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị C chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Đường Cẩm C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Vòng Saau T, quá trình giải quyết anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn và tranh chấp về giao quyền nuôi dưỡng con chung, nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị C là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án. Bị đơn (anh Vòng Saau T) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Đường Cẩm C và anh Vòng Saau T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện CM và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 01/7/2008, nên hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ từ thời điểm cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C nhận thấy: chị C xác định do anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, hay cờ bạc; bên cạnh đó mối quan hệ giữa chị và mẹ chồng không tốt nên ảnh hưởng nhiều đến tình cảm vợ chồng; vợ chồng ly thân từ tháng 7/2012 đến nay. Bản thân anh T cũng cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị C với mẹ anh; mặc dù vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng vì là người đứng giữa nên anh không thể can thiệp mà để hai người tự giải quyết; anh xác định có đánh vợ một bạt tai do nói hỗn với mẹ anh và vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 7/2012 đến nay. Xét thấy: mâu

thuần giữa chị C và anh T là có thật; qua lời trình bày của anh T cho thấy anh không cố gắng để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ và mẹ, không có trách nhiệm trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình, anh không đồng ý ly hôn chỉ vì thương con chứ không vì còn tình cảm vợ chồng; kể từ tháng 7/2012 đến nay, hai người không chung sống với nhau mà không phải do yêu cầu của nghề nghiệp hoặc do có thỏa thuận khác; giữa hai người không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình; đã vi phạm về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật HN&GD. Xét mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh T của chị C.

[3] Về con chung: chị C và anh T đều yêu cầu được nuôi cả hai con và không ai yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: trong thời gian ly thân, chị C là người trực tiếp nuôi cả hai con, anh T không thăm nom và không trợ cấp gì cho các cháu. Mặt khác, cả cháu L và cháu K đều xác định không còn nhớ mặt cha và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy, cần giao cả hai cháu Vòng Mỹ L, Vòng Mỹ K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: do không ai có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng pháp luật về hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là không phù hợp nên không chấp nhận, bởi lẽ: hôn nhân giữa chị C và anh T mặc dù được xác lập từ năm 2008, tức là thời điểm Luật HN&GD năm 2000 có hiệu lực, nhưng thời điểm chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con là vào năm 2018, thời điểm mà Luật HN&GD năm 2014 đã có hiệu lực; đồng thời, trong vụ án này không có ai yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung; do đó các căn cứ để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và về quyền nuôi con phải áp dụng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đường Cẩm C được ly hôn anh Vòng Saau T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Vòng Mỹ L, sinh ngày 24/9/2009 và cháu Vòng Mỹ K, sinh ngày 21/5/2011 cho chị Đường Cẩm C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Dương Cẩm C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị C đã nộp tại biên lai thu tiền số 004360 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn 15 ngày kháng cáo của bị đơn được tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam